

DỰ THẢO

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2023

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, đề nghị quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/03/2023 được quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
2. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp này.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết.
4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa điều khiển. Cổ đông tham gia cuộc họp phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa cuộc họp nhằm tạo điều kiện cho cuộc họp diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.
5. Khi tiến hành đăng ký tham dự họp, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

5.1. Phiếu biểu quyết:

- Đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại cuộc họp; Chương trình làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023; Biên bản và Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và một số vấn đề phát sinh ngay tại cuộc họp.
- Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến.

5.2. Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo hoặc tích (X hoặc ✓) vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.



- Thẻ biểu quyết không hợp lệ là Thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác... khi không được Chủ tọa yêu cầu; Thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn; hoặc cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền của cổ đông không ký tên vào Thẻ biểu quyết. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.
 - Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.
 - Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc Thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.
 - Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự họp nhưng không thể có mặt đến hết chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không tham gia bỏ phiếu đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.
 - Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.
6. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết để báo cáo Chủ tọa. Chủ tọa hoặc Trưởng Ban kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.
7. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo tỷ lệ như sau:
- 8.1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty; Tổ chức lại, giải thể công ty; Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

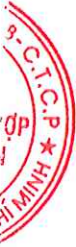


- 8.2. Các nghị quyết khác (trừ các nghị quyết được nêu tại khoản 9.1 nêu trên) được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
9. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký ghi chép đầy đủ vào Biên bản cuộc họp và thông qua tại cuộc họp trước khi bế mạc.
10. Thể lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp trở lên, Thể lệ này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM LÊ PHƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
V/v: Nhân sự phục vụ ĐHĐCĐ thường niên 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2021/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2021/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2021;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ phần Vật Tư Tổng hợp Và Phân bón Hóa Sinh.

Để Đại hội bắt đầu tiến hành, ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Và Phân bón Hóa Sinh kính trình Đại hội thông qua danh sách nhân sự Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu như sau:

I. ĐOÀN CHỦ TỊCH

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Ông Phạm Lê Phương | - Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch Đoàn |
| 2. Ông Trần Đức Đạm Khánh | - Thành viên HĐQT kiêm TGD - Thành viên |
| 3. Ông Tạ Nguyên Vũ | - Trưởng Ban kiểm soát |

II. BAN THƯ KÝ

- | | |
|-----------------------|--------------|
| 1. Bà Trần Thị Huyền | - Trưởng ban |
| 2. Ông Bùi Tiến Thành | - Thành viên |

3. BAN KIỂM PHIẾU

- | | |
|------------------------|--------------|
| 1. Ông Đặng Thanh Tuấn | - Trưởng ban |
| 2. Bà Võ Thị Hoi | - Thành viên |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến và thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


PHẠM LÊ PHƯƠNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị (HĐQT), tôi xin báo cáo trước đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022, phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022:

1. Nhân sự Hội đồng Quản trị (HĐQT): Gồm các thành viên như sau:

- Ông *Phạm Lê Phương*: Chủ tịch HĐQT
- Ông *Trần Đức Đạm Khánh*: Thành viên HĐQT
- Bà *Nguyễn Tấn Quốc*: Thành viên HĐQT (Từ nhiệm từ ngày 07/10/2022)
- Ông *Nguyễn Anh Tuấn*: Thành viên HĐQT
- Ông *Nguyễn Thế Truyền*: Thành viên HĐQT

2. Hoạt động của HĐQT năm 2022:

- Các thành viên HĐQT Công ty gồm Chủ Tịch HĐQT, 01 thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, 01 thành viên HĐQT kiêm Cố vấn Chủ Tịch HĐQT đã có đơn từ nhiệm ngày 06/10/2022 và 02 thành viên bên ngoài không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát thông qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, cũng như tại các phiên họp HĐQT.
- Các phiên họp thường kỳ của HĐQT được tiến hành theo đúng quy định của điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT. Các thành viên HĐQT luôn chấp hành quy định của pháp luật, thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 1 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2022 vào ngày 20/04/2022 và triển khai 05 cuộc họp HĐQT để thảo luận và thông qua nhiều vấn đề thuộc chức năng, thẩm quyền của HĐQT, ban hành 06 Nghị quyết.
- Tham dự và chỉ đạo các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng Giám đốc về việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị, xây dựng các đề án và dự án kinh doanh.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Tổng Giám đốc gửi Hội đồng Quản trị.



Đại hội cổ đông thường niên 2023 Công Ty CP VTTT và Phân Bón Hóa Sinh

- Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giải quyết những vấn đề phát sinh quan trọng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kịp thời giúp cho Ban TGD đưa ra các cơ chế chính sách kinh doanh hợp lý, tập trung ổn định sản xuất, củng cố phát triển thị trường, sửa đổi các chính sách về bán hàng, lao động tiền lương, tổ chức bộ máy.
- Tổng mức thù lao đã chi theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 cho HĐQT là: 195.000.000 đồng, mức chi tiết của từng thành viên như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO	GHI CHÚ
1	Phạm Lê Phương	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	
2	Trần Đức Đạm Khánh	TV HĐQT kiêm TGD	36.000.000	
3	Nguyễn Tấn Quốc	Thành viên HĐQT	27.000.000	Từ nhiệm 07/10/2022
4	Nguyễn Thế Truyền	Thành viên HĐQT	36.000.000	
5	Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	36.000.000	

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

a) Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Năm 2022 trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới, khu vực và trong nước bị ảnh hưởng nặng nề sau đại dịch Covid-19, chính sách siết chặt tín dụng, lãi suất vay cao nên các doanh nghiệp sản xuất phân bón nói chung, Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh nói riêng gặp rất nhiều khó khăn thách thức. HĐQT đánh giá những kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đáng chú ý của Công ty như sau:
- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, thách thức, HĐQT đã ban hành quy chế, quy định kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động, hạn chế tối đa các chi phí không thực sự cần thiết để cắt giảm chi phí cho Công ty.
- Kết thúc năm 2022, tổng doanh thu thuần hoạt động kinh doanh đạt 200,922 tỷ đồng, giảm 14% và giá vốn cũng giảm tương ứng 10% so với năm 2021. Nhưng tỷ trọng giá vốn trên doanh thu thuần tăng 5,45% so với năm 2021. Ban Tổng Giám Đốc đã chỉ đạo Công ty thực hiện tiết kiệm triệt để các chi phí nhưng do chi phí cố định Công ty quá lớn nên Công ty đã bị lỗ 16,441 tỷ đồng.
- Thương hiệu “Phân bón Con Trâu” vẫn nhận được sự tín nhiệm của bà con nông dân trên cả nước, có chỗ đứng trên thị trường nước ngoài như Myanmar, Campuchia ...

b) Đánh giá của Hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Công ty từng bước cải tiến công nghệ sản xuất thân thiện môi trường, quy trình khép kín hạn chế khí thải, khói, bụi ra ngoài môi trường.
- Lựa chọn các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực để ký kết hợp đồng thu gom chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

- Định kỳ Công ty thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát môi trường.
- Ủng hộ quỹ vì người nghèo của địa phương.

c) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Năm 2022, hoạt động điều hành của Ban Giám Đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong công tác điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động, sáng tạo và đoàn kết vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra.
- Hội đồng quản trị Công ty đánh giá cao công tác điều hành của Ban Giám Đốc. Mặc dù Công ty có nhiều khó khăn trong công tác huy động vốn và đáo hạn nhưng Ban Giám Đốc đã cố gắng điều hành công ty vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất, tạo ra sản phẩm đạt chất lượng cao, nhận được sự tín nhiệm của người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Các khoản chi phí được Ban Giám Đốc kiểm soát chặt chẽ, không để xảy ra thiệt hại gây lãng phí cho Công ty.
- Tuy không hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đã đề ra, nhưng Công ty đã nỗ lực phát huy những thuận lợi, biết khắc phục khó khăn để ổn định và từng bước phục hồi, phát triển trên thị trường.

Đánh giá chung: Hội đồng quản trị Công ty đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Chấp hành đúng pháp luật Nhà nước; Bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Chỉ đạo và tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT nhanh chóng kịp thời, đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, thích ứng với yêu cầu thị trường.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2023:

Năm 2023 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ có những thuận lợi, khó khăn như sau:

1. Thuận lợi:

- Thương hiệu phân bón “Phân Bón Con Trâu” vẫn đang được bà con nông dân, các đối tác, nhà phân phối trong và ngoài nước tin tưởng lựa chọn.
- Chính sách bán hàng của Công ty linh hoạt theo cơ chế thị trường, chăm sóc khách hàng, hậu mãi đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhà phân phối, người sử dụng.
- Đội ngũ Cán bộ, Công nhân và người lao động trong Công ty có trình độ, kinh nghiệm - tâm huyết sẵn sàng nhận và hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dự báo còn gặp nhiều khó khăn thách thức.

2. Khó khăn:

- Việc Ủy Ban Nhân dân TP Hồ Chí Minh, Trung Tâm phát triển quỹ đất Thành phố cùng các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn

Cội tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất đã gây cho Công ty hết sức khó khăn trong hoạt động, sản xuất, ổn định và mở rộng thị phần.

- Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn hoạt động, vừa bán hàng vừa phải thu hồi nợ cũ, một phần dùng để thanh toán nợ ngân hàng đã quá hạn, một phần để trả tiền mua nguyên liệu duy trì hoạt động sản xuất.
- Nhà xưởng, thiết bị máy móc, xe, máy đã xuống cấp, cần rất nhiều vốn để đầu tư cải tạo, sửa chữa, cải tiến và nâng cấp phục vụ cho sản xuất.
- Giá cả nông sản sụt giảm do không xuất khẩu được ảnh hưởng rất lớn đến diện tích gieo trồng cũng như việc đầu tư phân bón, chăm sóc cây trồng của nông dân.
- Hậu đại dịch, kinh tế suy giảm cùng chính sách siết chặt tín dụng làm ảnh hưởng đến việc thu hồi các khoản nợ đặc biệt là các khoản nợ khó đòi của Khách hàng.
- Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón ngày càng khốc liệt tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong đó có Công ty.

3. Từ những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT Công ty đề ra phương hướng mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 như sau:

a) Phương hướng nhiệm vụ:

- Theo dõi và thực hiện các biện pháp để nhận được sự bồi thường, hỗ trợ di dời theo Quyết định số 6162/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của UBND TP. Hồ Chí Minh.
- Tiếp tục làm việc với Ngân hàng TMCP Đông Á để xin được hỗ trợ tái cấu trúc công ty và thanh toán nợ cho Ngân hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Long An.
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.
- Nắm bắt và theo dõi sát diễn biến của thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với những biến động, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Giám sát chặt chẽ tình hình tài chính trong Công ty, vốn đầu tư ra ngoài Công ty đảm bảo sử dụng có hiệu quả, an toàn.
- Tập trung thu hồi công nợ, giải quyết nợ khó đòi từ nhiều năm trước, thanh toán giảm dần dư nợ ngân hàng.
- Thanh lý tài sản không thể chấp Ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động và trả nợ cho Ngân hàng.
- Kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tuyển chọn, đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty. Hoàn thiện cơ chế chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ, đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao. Hoàn thành quy chế, qui định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục xem xét giải thể Công ty cổ phần phân bón Anh Việt do Công ty này không còn hoạt động.

b) Chỉ tiêu cụ thể năm 2023:

- Sản lượng tiêu thụ: 17.000 Tấn
- Doanh thu: 180 tỷ đồng
- Lợi nhuận: 0 đồng
- Thu nhập bình quân của người lao động: 6,5 triệu đồng/ người/ tháng

4. Nhiệm vụ và giải pháp:

a) Công tác kinh doanh - Xuất nhập khẩu:

- Nắm bắt và theo sát diễn biến thị trường trong và ngoài nước, từ đó đề xuất những giải pháp linh hoạt, kịp thời đáp ứng yêu cầu của thị trường.
- Giữ ổn định thị trường hiện có, đặc biệt là thị trường truyền thống, đồng thời củng cố mở thêm thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.
- Đề xuất phát triển các sản phẩm mới phục vụ cho ngành nông nghiệp có giá trị cao. Đặc biệt, luôn quan tâm đến chất lượng mẫu mã sản phẩm NPK một màu, qua đó khẳng định hình ảnh và thương hiệu “Phân Bón Con Trâu” của Công ty trên thị trường.
- Thường xuyên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm; quan tâm đến công tác chăm sóc khách hàng, giải quyết hài hòa lợi ích giữa Công ty, nhà phân phối và bà con nông dân, tạo mối quan hệ tốt với các cơ quan chức năng tại các địa phương.
- Xây dựng đội ngũ nghiên cứu thị trường, cán bộ Marketing có trình độ, năng lực, có kinh nghiệm và tâm huyết trong công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm nhằm củng cố ổn định và mở rộng thị trường trong nước và nước ngoài.
- Tổ chức tốt công tác xuất nhập khẩu phấn đấu tăng sản lượng xuất khẩu.

b) Công tác tài chính:

- Bảo đảm đủ nguồn lực tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý và sử dụng đồng vốn có hiệu quả, quản lý chặt chẽ việc thu chi, rà soát cắt giảm các khoản chi phí chưa cần thiết, kiểm soát tình hình công nợ không để phát sinh thêm nợ xấu, đôn đốc thu hồi các khoản nợ kéo dài, khó đòi. Lành mạnh hóa tình hình tài chính Công ty.
- Hoàn thành tốt các nghĩa vụ về tài chính.

c) Công tác cung ứng vật tư, nguyên liệu:

- Lựa chọn nhà cung cấp uy tín, kiểm soát giá cả đầu vào của vật tư, nguyên nhiên liệu.
- Có kế hoạch dự trữ nguyên liệu hợp lý, đảm bảo nguyên liệu cho sản xuất; giảm chi phí tài chính do việc tồn trữ nguyên liệu không phù hợp.
- Kiểm tra, kiểm soát tình hình sử dụng định mức vật tư nguyên nhiên vật liệu trong quá trình sản xuất.

d) Công tác kế hoạch, kỹ thuật và điều hành sản xuất:

- Tập trung nghiên cứu cải tiến và phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với nhu cầu thị trường.
- Liên tục cải tiến công nghệ, quản lý sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu chặt chẽ nhằm giảm thiểu chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
- Tăng cường công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.
- Nâng cao ý thức của người lao động đối với sản phẩm sản xuất ra, rà soát quy trình sản xuất, duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001– 2015 hạn chế tối đa sản phẩm lỗi, kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, tuyệt đối không đưa những sản phẩm không đạt tiêu chuẩn về chất lượng và hình thức mẫu mã ra thị trường.

e) Công tác hành chính - tổ chức:

- Nghiên cứu đề xuất kiện toàn bộ môn 1 bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Chú trọng tuyển chọn và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của Công ty trong tình hình mới, thường xuyên hoàn thiện các quy chế, quy định, nội quy Công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế.
- Thực hiện đúng quy chế, quy định, quy trình trong tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách cho người lao động. Cải tiến chế độ tiền lương theo hướng tương xứng với trình độ, công sức cũng như sự đóng góp của người lao động cho sự phát triển Công ty nhằm thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.
- Quản lý và sử dụng hiệu quả các trang thiết bị văn phòng, xe máy phục vụ công tác.
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí; kiểm tra chặt chẽ công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ; phòng chống trộm cắp, các tệ nạn xã hội xâm nhập Công ty và đảm bảo an ninh chính trị nội bộ,

Đại hội cổ đông thường niên 2023 Công Ty CP VTTH và Phân Bón Hóa Sinh

an toàn Công ty góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội cổ đông đề ra.

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ năm 2023 trước Đại hội Đồng Cổ đông.

Trân trọng kính chào!

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM LÊ PHƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP
VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh;
- Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông một số nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022:

Thành phần Ban kiểm soát gồm các thành viên:

- Ông Tạ Nguyên Vũ Trưởng ban
- Bà Trương Thị Thu Hà Thành viên
- Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương Thành viên

Trong năm 2022, Ban kiểm soát (BKS) đã tổ chức 01 phiên họp định kỳ để thảo luận, trao đổi thông tin giữa các thành viên.

Các thành viên BKS đã thực hiện công việc của mình theo đúng trách nhiệm và quyền hạn được quy định trong Điều lệ của Công ty.

Các thành viên BKS đã tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT), xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

II. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2022:

1. Công tác quản lý điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty:

Trình tự, thủ tục của các phiên họp HĐQT phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành và của Điều lệ Công ty. Nghị quyết của HĐQT được thông qua với sự đồng thuận và nhất trí cao trong từng thành viên.

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Trong năm 2022, hoạt động của Công ty Cổ Phần Vật tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh hết sức khó khăn khi không được sự hỗ trợ của Ngân hàng trong việc di dời máy để xin giấy phép sản xuất. Do thời gian kéo dài Công ty phải chịu chi phí thuê mặt bằng nhiều tháng dù không hoạt động. Công ty không có nguồn lực tài chính để có thể chủ động dự trữ nguyên vật liệu dù dự báo được diễn biến của thị trường phân bón. Tóm tắt kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2021
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	200,92	234,87
2	Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	202,69	224,14
3	Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	(1,77)	10,72
4	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	2,78	3,13
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	13,91	10,65
6	Lợi nhuận thuần từ các hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	(16,39)	(3,66)
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	(16,42)	(3,69)
8	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	(16,44)	(3,99)
9	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	Tỷ đồng	(16,44)	(3,99)
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	(1.663)	(403)

3. Tình hình tài chính Công ty tại ngày 31/12/2022:

Qua thẩm tra, số liệu BCTC hợp nhất đã được kiểm toán từ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS), Ban kiểm soát đánh giá số liệu BCTC phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu với tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong niên độ 2022, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính, kế toán hiện hành.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	295,42	313,84
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	237,92	249,75
- Tiền và các khoản tương đương tiền	4,23	7,87
- Các khoản phải thu ngắn hạn	145,51	151,98
- Hàng tồn kho	86,02	87,70
- Tài sản ngắn hạn khác	2,16	2,20
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	57,50	64,09
- Các khoản phải thu dài hạn	1,50	0,13

CHỈ TIÊU	Năm 2022	Năm 2021
- Tài sản cố định	43,81	52,44
- Bất động sản đầu tư	4,28	4,28
- Tài sản dở dang dài hạn	5,44	4,52
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2,20	2,45
- Tài sản dài hạn khác	0,28	0,27
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (C+D+E)	295,42	313,84
C. NỢ PHẢI TRẢ	316,51	318,44
- Nợ ngắn hạn	316,51	318,44
- Nợ dài hạn	0	0
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	(21,08)	(4,60)
- Vốn điều lệ	100,00	100,00
- Thặng dư vốn cổ phần	8,95	8,95
- Cổ phiếu quỹ	(1,39)	(1,39)
- Các quỹ	24,63	24,63
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(154,53)	(138,04)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1,25	1,25

4. Kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của cổ đông Công ty:

Năm 2022, Ban Kiểm soát không trực tiếp nhận được yêu cầu nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty về quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

5. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty; Tình hình Công bố thông tin:

- Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm soát được mời họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc.
- Qua xem xét Báo cáo quản lý của HĐQT và Báo cáo của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thống nhất với các đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính Công ty. Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên HĐQT. Ban điều hành và các cán bộ quản lý Công ty, chưa nhận được sự thắc mắc hay khiếu nại của cổ đông liên quan đến trách nhiệm của HĐQT, Ban điều hành Công ty đối với quyền lợi của cổ đông.
- Tình hình công bố thông tin của Công ty được thực hiện đúng theo quy định.

6. Thù lao của các thành viên BKS năm 2022:

Trong năm 2022, thù lao của các thành viên BKS được nhận theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng / tháng x 12 tháng = 48.000.000 đồng
 - Thành viên BKS: 2.000.000 đồng / tháng x 12 tháng x 2 người = 48.000.000 đồng
- Tổng mức thù lao của BKS năm 2022 là: 96.000.000 đồng.

III. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và kiến nghị:

1. Phương hướng hoạt động:

Triển khai thực hiện nhiệm vụ kiểm soát năm 2023, Ban kiểm soát tập trung chương trình công tác như sau:

- Kiểm soát việc chấp hành các chế độ, chính sách của Nhà nước, tính hợp pháp, trung thực, minh bạch và mức độ cần trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp và thực hiện các chế độ báo cáo.
- Kiểm soát việc chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của HĐQT và Ban điều hành Công ty. Kiểm tra giám sát việc triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Kiến nghị:

- Việc kiểm soát chi phí chưa hiệu quả, HĐQT, Ban Tổng giám đốc cần tìm kiếm nhiều giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, khai thác hiệu quả mặt bằng đang thuê; tăng cường công tác quản lý công nợ, giảm thiểu nợ phải thu, không để phát sinh thêm nợ xấu và hoàn thiện hồ sơ xử lý nợ khó đòi.
- Làm việc với Ngân hàng TMCP Đông Á, giải quyết việc chưa ghi nhận lãi vay hàng năm vào Kết quả kinh doanh đã tồn tại nhiều năm.
- Trích lập đầy đủ các khoản nợ phải thu khó đòi theo ý kiến của Kiểm toán.
- Cung cấp kịp thời tài liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý, bán niên để có cơ sở đánh giá và cải thiện hoạt động của Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022, kế hoạch hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2023. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TẠ NGUYỄN VŨ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Năm 2022, triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm, phương án tái cơ cấu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi cơ bản nhưng vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển ổn định, tư tưởng, đời sống của cán bộ và người lao động trong Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty xin báo cáo Đại hội một số nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2022	Thực hiện Năm 2022	Thực hiện Năm 2021	% tăng, giảm so với năm 2021	% tăng, giảm so với kế hoạch
Sản lượng (Tấn)	20.000	14.025	24.347	-42%	-30%
Doanh thu (Triệu đồng)	170.000	200.922	234.868	-14%	18%
Lợi nhuận (Triệu đồng)	2.000	-16.441	-3.988		

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2022)

Trong năm 2022, tình hình thị trường phân bón tiếp tục gặp những khó khăn, cạnh tranh cùng hậu đại dịch Covid -19 khiến nền kinh tế ảnh hưởng nghiêm trọng, nên mặc dù Công ty đã linh hoạt sử dụng nhiều chính sách bán hàng, doanh thu giảm 18% so với kế hoạch và giảm 14% so với cùng kỳ năm trước. Giá cả phân bón có tăng nhưng sản lượng giảm 30% so với kế hoạch, giảm 42% so với cùng kỳ năm trước. Nên dù đã cắt giảm tối đa những chi phí không cần thiết nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2022 vẫn giảm nhiều so với cùng kỳ và so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản (triệu đồng)	295.425	313.838	-5,9
Cơ cấu tài sản:			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	80,54	79,58	+1,2
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản (%)	19,46	20,42	-4,7

Tình hình tài sản của Công ty trong năm 2022 giảm 5,9% so với năm trước chủ yếu do khấu hao tài sản và giảm công nợ phải thu.

Tuy nhiên, Công ty còn có các khoản phải thu của Khách hàng đã quá hạn thanh toán nhưng khó đòi từ các năm trước cùng với dịch bệnh kéo dài gây khó khăn cho Công ty rất nhiều trong việc thu hồi công nợ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

b) Tình hình nợ phải trả

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng nợ phải trả	316.510	318.437	-0,61
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	245.650	247.050	-0,57

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2022)

Hiện Công ty có khoản vay VNĐ tại Ngân hàng TMCP Đông Á đã quá hạn thanh toán nhưng chưa có khả năng thanh toán hết, là do:

- Theo Quyết định số 6162/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của UBND TP. Hồ Chí Minh, Trung Tâm phát triển quỹ đất Thành phố cùng các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Phạm Văn Cội tiếp tục thực hiện quyết định thu hồi đất, niêm phong máy móc, thường xuyên đến kiểm tra giám sát. Đồng thời tháng 9/2022 hết thời hạn Giấy phép sản xuất tại trụ sở đã làm cho Công ty hết sức khó khăn trong việc hoạt động, sản xuất, ổn định và mở rộng thị phần.
- Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn hoạt động, vừa bán hàng vừa phải thu hồi nợ cũ, một phần dùng để thanh toán nợ ngân hàng đã quá hạn, một phần để trả tiền mua nguyên liệu duy trì hoạt động sản xuất.
- Nhà xưởng, thiết bị máy móc, xe, máy đã xuống cấp, cần rất nhiều vốn để đầu tư cải tạo, sửa chữa, cải tiến và nâng cấp phục vụ cho sản xuất.
- Trong năm, Công ty có xin di dời 1 phần máy đang thế chấp cho Ngân hàng sang Chi nhánh sửa chữa nâng cấp để tiết giảm chi phí đầu tư nhưng không được hỗ trợ chấp thuận của Ngân hàng trong khi đó Công ty phải chịu chi phí thuê mặt bằng và phải đầu tư dây chuyền mới để hoạt động.
- Giá cả nông sản sụt giảm do không xuất khẩu được ảnh hưởng rất lớn đến diện tích gieo trồng cũng như việc đầu tư phân bón, chăm sóc cây trồng của nông dân.
- Hậu đại dịch, kinh tế suy giảm cùng chính sách siết chặt tín dụng làm ảnh hưởng đến việc thu hồi các khoản nợ đặc biệt là các khoản nợ khó đòi của Khách hàng.
- Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón ngày càng khốc liệt tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong đó có Công ty.

Trong năm Công ty không vay thêm khoản nào khác do bị nợ xấu.

Công ty không có khoản vay bằng ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm, Công ty tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn hiệu quả; chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, hoàn thiện các quy chế, quy định của công ty phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và thực tế hoạt động tại công ty.

Cải tiến chế độ tiền lương theo hướng tương xứng với công sức và trình độ cũng như sự đóng góp của người lao động cho sự phát triển của Công ty nhằm thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Bên cạnh những lợi thế về thương hiệu uy tín lâu năm, năm 2023 Công ty sẽ gặp những khó khăn thách thức lớn như:

- Theo dõi và thực hiện các biện pháp để nhận được sự bồi thường, hỗ trợ di dời theo Quyết định số 6162/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của UBND TP. Hồ Chí Minh.
- Tiếp tục làm việc với Ngân hàng TMCP Đông Á để xin được hỗ trợ tái cấu trúc công ty và thanh toán nợ cho Ngân hàng.
- Tiếp tục tăng cường thu hồi các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Thanh lý tài sản không thể chấp Ngân hàng để bổ sung nguồn vốn hoạt động và trả nợ cho Ngân hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Long An.
- Hậu đại dịch covid nền kinh tế suy giảm, chính sách tín dụng siết chặt, diện tích gieo trồng ngày càng thu hẹp cũng làm ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất phân bón nói chung và Công ty nói riêng.
- Xung đột giữa Nga và Ukraina gây ảnh hưởng sâu sắc, toàn diện và tiêu cực, trước mắt và lâu dài tới kinh tế, thương mại, tài chính, tới chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu của thế giới cũng như Việt Nam. Đặc biệt đó là chuỗi cung ứng nguyên liệu đầu vào cho ngành phân bón của Việt Nam cũng như của Công ty.
- Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón nhất là đối với phân NPK ngày càng khốc liệt. Ngoài ra, mức gia tăng hành vi cạnh tranh không lành mạnh cũng ảnh hưởng lớn đến những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón chân chính.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

- Trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 của HSI, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty con “Công ty CP Phân bón Anh Việt” chưa được kiểm toán. Trong đó, giá trị tổng tài sản của Công ty con này chiếm tỷ trọng là 1,8% so với tổng tài sản của toàn Công ty” là do Công ty con này đã tạm ngừng hoạt động kinh doanh từ ngày 15/11/2015, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh xác nhận tại Văn bản số 13791/PĐKKD-KT ngày 04/11/2015, và đã được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử công ty cũng như đã thông báo đến UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đến 31/12/2022 Công ty không nhận được Báo cáo tài chính từ Công ty con này. Ban Tổng Giám đốc HSI tin tưởng rằng những ảnh hưởng (nếu có) của Công ty con là không trọng yếu đến tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất của toàn Công ty. Về vấn đề này HSI cũng đã công khai đầy đủ và rõ ràng trong Báo cáo tài chính (Khoản VIII.4 – Thuyết minh BCTC Hợp nhất).

- Ý kiến ngoại trừ: Các khoản nợ phải thu khó đòi chưa được trích lập dự phòng theo quy định là 23.554.422.887 đồng. Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo rà soát lại tất cả các khoản công nợ và đưa ra hướng xử lý các khoản nợ khó đòi. Nhưng do hệ thống khách hàng của Công ty trải dài ở nhiều tỉnh thành và cả nước ngoài nên chưa rà soát được toàn diện, Công ty tạm thời vẫn giữ như trước đây chưa trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi như các năm trước đã được Công ty kiểm toán đưa ra.

- Cũng trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2022 của HSI, Công ty kiểm toán đã đưa ra ý kiến ngoại trừ: “Tương tự như các năm tài chính trước, trong năm tài chính 2022 Công ty chưa xác định các khoản chi phí lãi vay với số tiền ước tính là 15.723.578.000 đồng (chưa bao gồm lãi quá hạn)”. HSI xin giải trình như sau: Hiện tại, HSI vẫn đang thương lượng với phía Ngân hàng về việc không thu lãi các khoản vay của HSI nhằm giúp HSI vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất.

Vì các lý do nêu trên, Tổ chức kiểm toán độc lập đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh phân bón nên trong quá trình sản xuất cũng phát sinh khí thải, khói, bụi. Tuy nhiên trong quy trình sản xuất có nhiều Công đoạn khép kín và hệ thống lọc bụi trong quy trình sản xuất cũng làm giảm thiểu tối đa bụi ra ngoài môi trường.

Năng lượng tiêu thụ chủ yếu của Công ty là điện và than đá: Trong năm 2022, để vận hành quy trình sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng khoảng: 1,4 tỷ đồng tiền điện và 620 tấn than đá.

Tiêu thụ nước: Công ty sử dụng nước thủy cục để phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt cho các hoạt động của Công ty.

Công ty lựa chọn các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực để ký kết hợp đồng thu gom chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

Định kỳ Công ty thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

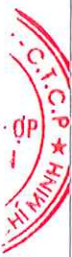
Tổng số lao động chính thức của Công ty đến cuối năm 2022 là 108 người, thu nhập bình quân của người lao động là 6,5 triệu đồng/người/tháng.

Các chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động như: Công ty có các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác của người lao động được thực hiện theo thỏa ước lao động tập thể.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Hàng năm, Công ty ủng hộ quỹ người nghèo địa phương.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.



Xin báo cáo trước Đại Hội Đồng Cổ Đông!

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN ĐỨC ĐẠM KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
V/V: THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hoá Sinh;
- Quy chế Quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được công bố thông tin theo quy định và đồng thời được đăng tải trên website của Công ty: www.hsi.com.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP
VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
V/v: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023-2026
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2021/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2021/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2021;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ phần Vật Tư Tổng hợp Và Phân bón Hóa Sinh;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng Quản Trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023-2026 như sau:

Năm 2023: Sản lượng: 17.000 tấn; Doanh thu: 180 tỷ; Lợi nhuận: 0 đồng.

Năm 2024: Sản lượng: 18.000 tấn; Doanh thu: 185 tỷ; Lợi nhuận: 1 tỷ đồng.

Năm 2025: Sản lượng: 19.000 tấn; Doanh thu: 190 tỷ; Lợi nhuận: 2 tỷ đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua vấn đề trên.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM LÊ PHƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP
VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
V/v: MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2021/QH14 được Quốc Hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2021/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2021;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ phần Vật Tư Tổng hợp Và Phân bón Hóa Sinh;

Tại Đại hội cổ đông thường niên 2021 ngày 27/04/2021, các cổ đông Công ty đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Ngày 06/10/2022, vì lý do cá nhân, 01 thành viên Hội đồng quản trị đã có đơn xin từ nhiệm là ông Nguyễn Tấn Quốc, Hội đồng quản trị Công ty đã có thông báo về việc xin từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị nêu trên.

Sau khi thảo luận và xem xét đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Tấn Quốc, đồng thời căn cứ vào quy định tại Điều 26 của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận việc từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Tấn Quốc.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM LÊ PHƯƠNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP
VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
V/v: THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hoá Sinh;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/04/2022;
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh báo cáo Đại hội đồng cổ đông mức thù lao đối với các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hóa Sinh trong năm 2022 và thông qua mức thù lao, khen thưởng năm 2023 như sau:

I. Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2022:

❖ Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022, mức thù lao của HĐQT và BKS đã chi trong năm 2022 chi tiết như sau:

- Chủ tịch HĐQT: $5.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12\text{tháng} \times 1\text{người} = 60.000.000 \text{ đồng}$
 - Thành viên HĐQT: $3.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12\text{tháng} \times 3\text{người} = 108.000.000 \text{ đồng}$
 - Thành viên HĐQT: $3.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 9\text{tháng} \times 1\text{người} = 27.000.000 \text{ đồng}$
 - Trưởng BKS: $4.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12\text{tháng} \times 1\text{người} = 48.000.000 \text{ đồng}$
 - Kiểm soát viên: $2.000.000 \text{ đ/người/tháng} \times 12\text{tháng} \times 2\text{người} = 48.000.000 \text{ đồng}$
- Tổng cộng: 291.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu đồng)**

II. Tổng mức thù lao và khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2023:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức chi phí thù lao năm 2023 đối với HĐQT, BKS. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Kiểm soát viên: 2.000.000 đồng/người/tháng



Trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận, thành viên HĐQT và BKS được khen thưởng về những thành tích và đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty. Mức khen thưởng là 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch, mức chi tiết cho từng thành viên sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM LÊ PHƯƠNG





Đại hội cổ đông thường niên 2023 Công Ty CP VTTT và Phân Bón Hóa Sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2023

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
V/V: LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp và Phân Bón Hoá Sinh;
- Quy chế Quản trị Công ty.

Căn cứ theo điểm d, khoản 2, Điều 15 Điều lệ của Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua về việc “Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 để kiểm toán cho Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh năm tài chính 2023”.

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty để lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TẠ NGUYÊN VŨ



Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5943 - 3820 5944; Fax: (028) 3820 5942



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11 - 11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacífico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303951558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/03/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 100.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 : 100.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Áp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	KCN Đông Bắc Sông Cầu, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên	100%	100%	100%	100%
Công ty CP Phân bón Anh Việt	Áp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. HCM	56,35%	56,35%	56,35%	56,35%
Công ty liên kết:					
Công ty CP Du Lịch và Khách Sạn Kiến Tường	Số 72 Trần Hưng Đạo, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An	39%	39%	39%	39%

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Chi nhánh Công ty CP Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh Lô B104, đường số 4, KCN Thái Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022 lỗ 16.441.832.690 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2021 lợi nhuận sau thuế lỗ 3.988.109.276 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2022 âm 154.528.441.429 VND (Tại thời điểm 31/12/2021 lợi nhuận chưa phân phối âm 138.042.108.738 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2022 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	PHẠM LÊ PHƯƠNG	Chủ tịch	
Ông	TRẦN ĐỨC ĐẠM KHÁNH	Thành viên	
Ông	NGUYỄN TẤN QUỐC	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 06/10/2022)
Ông	HUỲNH ANH TUẤN	Thành viên	
Ông	NGUYỄN THẾ TRUYỀN	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông	TRẦN ĐỨC ĐẠM KHÁNH	Tổng Giám đốc	
Ông	VŨ XUÂN NGỌC	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 31/12/2022)

Ban Kiểm soát

Ông	TẠ NGUYỄN VŨ	Trưởng ban	
Bà	TRƯƠNG THỊ THU HÀ	Thành viên	
Bà	HUỲNH THỊ NGỌC HƯƠNG	Thành viên	

Kế toán trưởng

Bà	TRẦN THỊ HUYỀN		
----	----------------	--	--

Đại diện pháp luật

Ông	PHẠM LÊ PHƯƠNG	Chủ tịch HĐQT	
-----	----------------	---------------	--

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2023

TM. Hội đồng Quản trị



PHẠM LÊ PHƯƠNG
Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh, được lập ngày 05/02/2023, từ trang 07 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tương tự như các năm tài chính trước, trong năm tài chính 2022 Công ty chưa xác định các khoản chi phí lãi vay với số tiền ước tính là 15.723.578.000 đồng (chưa bao gồm lãi quá hạn). Như vậy, nếu tính đủ khoản chi phí lãi vay thì chỉ tiêu Chi phí tài chính của Công ty sẽ tăng thêm số tiền là 15.723.578.000 đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi tương ứng là 15.723.578.000 đồng.
- Các khoản nợ phải thu khó đòi chưa được trích lập dự phòng theo quy định là 23.554.422.887 đồng. Như vậy, nếu trích lập đầy đủ thì chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty sẽ tăng thêm số tiền là 23.554.422.887 đồng và chỉ tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi tương ứng là 23.554.422.887 đồng.
- Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty con "Công ty CP Phân bón Anh Việt" chưa được kiểm toán. Trong đó, giá trị tổng tài sản của Công ty con này chiếm tỷ trọng là 1,8% so với tổng tài sản của toàn Công ty (xem Thuyết minh VIII.4).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hoá Sinh tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VIII.3 "Hoạt động liên tục" trong báo cáo tài chính về số lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2022 là 154.528.441.429 đồng, làm cho vốn chủ sở hữu là âm 21.085.120.481 đồng; Nợ phải trả lớn tổng tài sản, Nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 78.589.013.765 đồng, như vậy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty không đảm bảo. Những điều kiện này, cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh VIII.3, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được trình bày dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2023

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Kiểm toán viên

Phó Tổng Giám đốc



PHÙNG VĂN THẮNG

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 0650-2023-142-1

LÊ ĐÌNH ÁI

Số GCN ĐKHN Kiểm toán: 3770-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

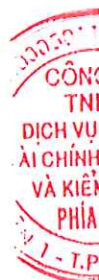
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		237.921.961.585	249.749.943.664
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.229.964.830	7.870.292.084
Tiền	111	V.1	4.229.964.830	7.870.292.084
Các khoản tương đương tiền	112	V.1	-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121	V.3	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.3	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.511.687.245	151.979.304.167
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	173.423.790.822	181.104.248.159
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.065.200.646	1.686.249.713
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.854.816.832	2.020.927.350
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(32.832.121.055)	(32.832.121.055)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	86.023.756.292	87.699.301.503
Hàng tồn kho	141		86.023.756.292	87.699.301.503
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.156.553.218	2.201.045.910
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	553.564.355	489.778.836
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14.	1.054.045.536	1.162.323.747
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	548.943.327	548.943.327
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.503.893.284	64.088.579.110
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.500.939.619	126.871.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	1.500.939.619	126.871.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		43.810.911.391	52.442.645.946
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	43.810.911.391	52.442.645.946
- Nguyên giá	222		219.111.341.132	218.425.527.132
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(175.300.429.741)	(165.982.881.186)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		85.000.000	85.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.000.000)	(85.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	4.279.056.500	4.279.056.500
- Nguyên giá	231		4.279.056.500	4.279.056.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	5.440.043.633	4.516.935.709
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	V.7	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	5.440.043.633	4.516.935.709
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.196.043.942	2.451.252.688
Đầu tư vào công ty con	251	V.3	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.3	425.000.000	425.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.3	1.771.043.942	2.026.252.688
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.3	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.3	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		276.898.199	271.817.267
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	276.898.199	271.817.267
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		295.425.854.869	313.838.522.774



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		316.510.975.350	318.437.310.564
I. Nợ ngắn hạn	310		316.510.975.350	318.437.310.564
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	44.473.988.060	39.333.537.739
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.045.498.627	3.173.175.274
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	11.081.251	309.475.297
Phải trả người lao động	314		905.176.896	1.003.702.956
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	24.021.609.354	27.163.798.136
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	245.650.800.000	247.050.800.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		402.821.162	402.821.162
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331	V.13.	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15.	-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(21.085.120.481)	(4.598.787.790)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(21.085.120.481)	(4.598.787.790)
Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17.	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.17.	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	V.17.	-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17.	8.952.300.000	8.952.300.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.17.	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	V.17.	(1.392.524.898)	(1.392.524.898)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.17.	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.17.	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17.	24.628.447.886	24.628.447.886
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.17.	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.17.	-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

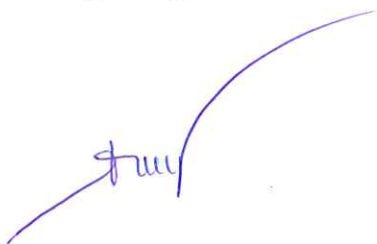
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17.	(154.528.441.429)	(138.042.108.738)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(138.086.608.739)	(134.053.999.462)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(16.441.832.690)	(3.988.109.276)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.255.097.960	1.255.097.960
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		295.425.854.869	313.838.522.774

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



TRẦN THỊ HUYỀN



TRẦN THỊ HUYỀN



PHẠM LÊ PHƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	200.922.547.405	234.868.253.568
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		200.922.547.405	234.868.253.568
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	202.691.549.033	224.144.240.979
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(1.769.001.628)	10.724.012.589
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2.205.288.279	139.591.093
Chi phí tài chính	22	VI.5	135.867.180	742.525.204
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	300.000.000
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.8	2.785.332.481	3.127.265.249
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	13.908.296.868	10.651.863.276
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(16.393.209.878)	(3.658.050.047)
Thu nhập khác	31	VI.6	20.901.870	72.992
Chi phí khác	32	VI.7	52.622.682	37.470.033
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(31.720.812)	(37.397.041)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(16.424.930.690)	(3.695.447.088)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	16.902.000	292.662.188
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(16.441.832.690)	(3.988.109.276)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(16.441.832.690)	(3.988.109.276)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(1.663)	(403)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	(1.663)	(403)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2023

Chủ tịch HĐQT


 TRẦN THỊ HUYỀN


 TRẦN THỊ HUYỀN


 PHẠM LÊ PHƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(16.424.930.690)	(3.695.447.088)
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.317.548.555	10.046.617.252
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		129.932.736	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.120.337.523)	(127.767.155)
- Chi phí lãi vay	06		-	300.000.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(9.097.786.922)	6.523.403.009
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		5.088.091.778	9.636.975.892
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.675.545.211	(15.698.836.908)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(249.871.026)	4.189.913.071
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(68.866.451)	237.140.786
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(300.000.000)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(354.064.189)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.006.951.599)	4.588.595.850
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.608.921.924)	(450.307.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		255.208.746	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.120.337.523	127.767.155
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		766.624.345	(322.539.845)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.400.000.000)	(3.000.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.400.000.000)	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(3.640.327.254)	1.266.056.005
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.870.292.084	6.604.236.079
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	4.229.964.830	7.870.292.084

Người lập biểu

TRẦN THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ HUYỀN

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



PHẠM LÊ PHƯƠNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacífico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303951558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/03/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 100.000.000.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 : 100.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Áp 5, xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	KCN Đông Bắc Sông Cầu, Thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.	100%	100%	100%	100%
Công ty CP Phân bón Anh Việt	Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	56,35%	56,35%	56,35%	56,35%
Công ty liên kết:					
Công ty CP Du Lịch và Khách Sạn Kiến Tường	Số 72 Trần Hưng Đạo, phường 1, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An	39,00%	39,00%	39,00%	39,00%

Cơ sở đồng kiểm soát

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Công ty CP Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh Lô B104, đường số 4, KCN Thái Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...



Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Ảnh hưởng đáng kể khi nhà đầu tư sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Các khoản lỗ của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cán trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền sau từng lần nhập.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 33	năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 7	năm
- Các tài sản khác	4 - 5	năm
- Phần mềm quản lý	3	năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế bằng ngoại tệ và tại thời điểm đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ khi lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

c. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ sau đây:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): áp dụng tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn/ nhận góp vốn;

- Đối với nợ phải thu nợ phải thu: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với nợ phải trả nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

20. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

21. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân Đối kế toán hợp nhất.

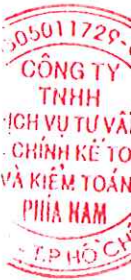
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:
 - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

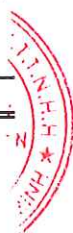
Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.570.823.756	2.072.954.150
- Tiền gửi ngân hàng	2.659.141.074	5.797.337.934
Cộng	<u>4.229.964.830</u>	<u>7.870.292.084</u>

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Phát triển XNK Eung Suy Kim Ly	15.969.990.992	16.307.266.641
CH VTNN Kim Mây	37.429.537.186	37.429.537.186
Phải thu khách hàng khác	120.024.262.644	127.367.444.332
Cộng	<u>173.423.790.822</u>	<u>181.104.248.159</u>



3 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- 3.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
 3.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý	
	-	-	-	-	-	-	-	
a. Đầu tư vào công ty con								
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	425.000.000	-	425.000.000	425.000.000	-	425.000.000	425.000.000	
Công ty CP Du lịch & Khách sạn Kiến Tường (1)	425.000.000	-	425.000.000	425.000.000	-	425.000.000	425.000.000	
c. Đầu tư vào các đơn vị khác	1.771.043.942	-	1.771.043.942	2.026.252.688	-	2.026.252.688	2.026.252.688	
Công ty CP Mộc Hóa (2)	1.733.790.000	-	1.733.790.000	1.733.790.000	-	1.733.790.000	1.733.790.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	37.253.942	-	37.253.942	292.462.688	-	292.462.688	292.462.688	
Cộng	2.196.043.942	-	2.196.043.942	2.451.252.688	-	2.451.252.688	2.451.252.688	

Ghi chú:

(1) Theo hợp đồng hợp tác với Công ty Cổ phần Thương Mại Mộc Hóa để thành lập Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường, trong đó Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh góp vốn điều lệ (tương đương 7.800.000.000 VND). Đến thời điểm 31/12/2021 số vốn thực tế đã góp là

(2) Số lượng cổ phiếu Công ty CP Mộc Hóa là: 173.379 cp.

(3) Công ty nhận cổ tức bằng 2.052 cổ phiếu MBB, tỷ lệ 100/20 nhận ngày 06/10/2022. Số lượng cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội là: 12.314 cp.



4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1 Ngắn hạn				
- Tạm ứng	1.306.282.874	-	1.472.393.390	-
- Phải thu về BHXH	-	-	2	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khác	548.533.958	-	548.533.958	-
Cộng	1.854.816.832	-	2.020.927.350	-
4.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.500.939.619	-	126.871.000	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-
Cộng	1.500.939.619	-	126.871.000	-

5 . NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.386.543.942	23.554.422.887	57.963.621.570	25.131.500.515
<i>Chi tiết:</i>				
+ CH VTNN Kim Mây	37.429.537.186	20.063.697.749	37.429.537.186	22.561.060.318
+ CH VTNN Ba Thủy	2.107.084.152	-	2.847.084.152	-
+ Đối tượng khác	16.849.922.604	3.490.725.138	17.687.000.232	2.570.440.197
Cộng	56.386.543.942	23.554.422.887	57.963.621.570	25.131.500.515

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng gửi đi bán	1.077.145	-	1.077.145	-
- Nguyên liệu, vật liệu	54.049.288.960	-	58.054.435.907	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí SXKD dở dang	407.393.490	-	407.393.490	-
- Thành phẩm	31.565.996.697	-	29.236.394.961	-
- Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	86.023.756.292	-	87.699.301.503	-

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.
- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đều dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đông Á.

7 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công trình Nhà máy Bền Lức	4.008.490.036	4.008.490.036
- Máy trộn NPK	923.107.924	-
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	508.445.673	508.445.673
Cộng	<u><u>5.440.043.633</u></u>	<u><u>4.516.935.709</u></u>



8. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	81.001.651.759	99.754.822.811	34.430.918.023	2.234.719.939	1.003.414.600	218.425.527.132
Số tăng trong năm	185.814.000	-	500.000.000	-	-	685.814.000
- Mua trong năm	185.814.000	-	500.000.000	-	-	685.814.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	81.187.465.759	99.754.822.811	34.930.918.023	2.234.719.939	1.003.414.600	219.111.341.132
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	65.269.926.584	67.029.104.071	30.445.715.992	2.234.719.939	1.003.414.600	165.982.881.186
Số tăng trong năm	3.507.179.828	4.262.130.144	1.548.238.583	-	-	9.317.548.555
- Khấu hao trong năm	3.507.179.828	4.262.130.144	1.548.238.583	-	-	9.317.548.555
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	68.777.106.412	71.291.234.215	31.993.954.575	2.234.719.939	1.003.414.600	175.300.429.741
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	15.731.725.175	32.725.718.740	3.985.202.031	-	-	52.442.645.946
Tại ngày cuối năm	12.410.359.347	28.463.588.596	2.936.963.448	-	-	43.810.911.391

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý:

43.130.797.339 VND
 91.344.656.579 VND
 - VND



9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.000.000	-	85.000.000
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-	-

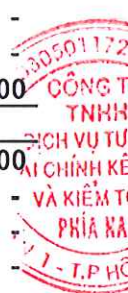
Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

- VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

85.000.000 VND



10 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
b. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	4.279.056.500	-	-	4.279.056.500
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.279.056.500	-	-	4.279.056.500
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
Giá trị còn lại	4.279.056.500	-	-	4.279.056.500
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	4.279.056.500	-	-	4.279.056.500
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay - VND
- Nguyên giá BĐSĐT cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá - VND



11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
11.1. Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa	28.080.000	171.019.732
- Chi phí mua bảo hiểm	-	2.624.175
- CCDC xuất dùng	347.683.993	206.887.054
- Chi phí khác	177.800.362	109.247.875
Cộng	<u>553.564.355</u>	<u>489.778.836</u>
11.2. Dài hạn		
- CCDC xuất dùng	39.528.333	20.205.893
- Lợi thế kinh doanh	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- Chi phí khác	237.369.866	251.611.374
Cộng	<u>276.898.199</u>	<u>271.817.267</u>



12 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

12.1. Ngắn hạn

a. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Phát sinh		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay Ngân hàng: (VND)						
- Ngân hàng Đông Á - CN TP.HCM	245.650.800.000	245.650.800.000	-	1.400.000.000	247.050.800.000	247.050.800.000
Cộng	245.650.800.000	245.650.800.000	-	1.400.000.000	247.050.800.000	247.050.800.000

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Số ngày của hợp đồng vay	Số/ ngày	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối năm	Hình thức đảm bảo khoản vay
Số H0152/115; H0157/115; H0162/115; H0265/115; H0325/115; H0346/115; H0365/115		Ngân hàng TMCP Đông Á - CN TP Hồ Chí Minh	9 tháng	8 - 9%/năm	38.951.000.000	Toàn bộ nhà xưởng, MMTB, CC và các công trình phụ trợ trên đất tại Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP.HCM và tại KCN Đông Bắc Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.
Hợp đồng tín dụng số: H.0014/1215 ngày 25/06/2015	5 năm kể từ ngày 25/06/2015 đến 25/06/2020.	Ngân hàng TMCP Đông Á - CN TP Hồ Chí Minh		6%/năm	206.699.800.000	Toàn bộ nhà xưởng, MMTB, CC và các công trình phụ trợ trên đất tại Ấp 5, xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP.HCM và tại KCN Đông Bắc Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Cộng

245.650.800.000



12.2. Dài hạn

12.3. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm	
	Gốc	Lãi
Vay ngân hàng:	245.650.800.000	115.832.846.000
- Ngân hàng Đông Á - CN TP.HCM	245.650.800.000	115.832.846.000
Cộng	245.650.800.000	115.832.846.000

Ghi chú: Do Công ty gặp khó khăn về tình hình tài chính.

	Số đầu năm	
	Gốc	Lãi
	247.050.800.000	100.109.268.000
	247.050.800.000	100.109.268.000
Cộng	247.050.800.000	100.109.268.000



13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Công ty TNHH SX&TM Thiên Thành Lộc	960.964.000	960.964.000	1.402.964.000	1.402.964.000
Công ty CP sản xuất thép Vina One	1.629.468.111	1.629.468.111	1.629.468.111	1.629.468.111
Công ty TNHH SXDV&TM Huỳnh Thành	-	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	41.883.555.949	41.883.555.949	36.301.105.628	36.301.105.628
Cộng	44.473.988.060	44.473.988.060	39.333.537.739	39.333.537.739

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
14.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	292.662.188	61.402.001	354.064.189	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.813.109	62.612.286	68.344.144	11.081.251
Thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	309.475.297	130.014.287	428.408.333	11.081.251
14.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	548.943.327	-	-	548.943.327
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế khác	-	-	-	-
Cộng	548.943.327	-	-	548.943.327

Ghi chú: Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Lãi vay phải trả	-	-
- Chi phí thuê đất & sử dụng kết cấu hạ tầng	-	-
- Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	-	-

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	105.879.484	105.879.484
- BHXH, BHYT, BHTN	101.670.600	95.859.380
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	656.570	656.570
- Mượn tạm vốn kinh doanh: (*)	23.692.170.000	26.840.170.000
+ Bà Ôn Lệ Hồng	12.170.000	12.170.000

+ Ông Huỳnh Văn Thanh	800.000.000	1.378.000.000
+ Ông Huỳnh Thanh Điền	4.800.000.000	7.700.000.000
+ Bà Huỳnh Hồng Phương	17.750.000.000	17.750.000.000
+ Ông Phạm Lê Phương	330.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	121.232.700	121.232.700
Cộng	<u>24.021.609.354</u>	<u>27.163.798.136</u>

Ghi chú: (*) Đây là các khoản Công ty mượn tạm vốn, không phải trả lãi vay.



17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	24.628.447.886	(134.053.999.462)	1.255.097.960	(610.678.514)
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(3.988.109.276)	-	(3.988.109.276)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	24.628.447.886	(138.042.108.738)	1.255.097.960	(4.598.787.790)
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(16.441.832.690)	-	(16.441.832.690)
- Giảm khác	-	-	-	-	(44.500.001)	-	(44.500.001)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	8.952.300.000	(1.392.524.898)	24.628.447.886	(154.528.441.429)	1.255.097.960	(21.085.120.481)



18.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên tệ	VND	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
ĐL Xuân Tuyết (Nguyễn Thị Dung)		270.966.241	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTTT Hải Yến		39.000.030	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTTT Tuyết Mai		257.865.200	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTTT Loan Hà		175.705.474	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Công ty XNK SoKlinh		385.120.240	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CTCP VTNN Bình Dương		503.671.414	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Hoàng Ngân		569.769.160	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTNN Như Hiền		100.000.250	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
ĐL VTNN Nguyễn Văn Đồng		90.900.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Huỳnh Quốc Kha		255.207.500	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CH VTNN Văn Thành		27.000.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Nguyễn Văn Đức		288.537.125	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTNN Mỹ Hạnh		152.773.300	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Hưng Yên		2.681.148.990	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Nguyễn Văn Chương		12.299.750	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Nguyễn Văn Dũng		12.028.800	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Công ty TNHH Ngọc Phúc		13.430.650	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Lê Minh Trung		37.873.808	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Bảy Nam		228.000.225	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Minh Đức		35.228.800	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Thanh Phong		65.511.153	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVT Trung Hiếu		10.674.150	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CHVTNN Châu Giang		32.524.861	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
HTX DVTM Tân Đồng		50.799.998	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
ĐLPB Cao Thị Cúc		161.152.768	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CH VTNN Minh Huy (Lê Minh Quân)		1.070.749.230	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
CH VTNN Ngọc Sáu		35.147.429	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Lê Thị Bảy		15.132.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
DNTN Tuấn Khanh		547.492.000	31/12/2013	Xử lý nợ khó đòi
Các khoản nợ khó đòi khi CPH		5.093.849.133	31/12/2005	Xử lý nợ khó đòi
Cộng		13.219.559.679		



VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa
 - + Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh
 - + Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên
- Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
	74.992.476.901	101.068.022.500
	125.930.070.504	133.800.231.068
	-	-
Cộng	200.922.547.405	234.868.253.568

2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại
- Giảm giá hàng bán
- Hàng bán bị trả lại

	Năm nay	Năm trước
	-	-
	-	-
	-	-
Cộng	-	-

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán
 - + Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh
 - + Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

	Năm nay	Năm trước
	80.315.490.429	97.112.730.742
	122.376.058.604	127.031.510.237
	-	-
Cộng	202.691.549.033	224.144.240.979

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi bán các khoản đầu tư
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

	Năm nay	Năm trước
	3.185.969	6.401.855
	121.365.300	121.365.300
	84.950.756	9.750.000
	-	1.971.385
	1.995.786.254	-
	-	102.553
Cộng	2.205.288.279	139.591.093

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay
- Chiết khấu thanh toán, bán hàng chậm trả
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Chi phí tài chính khác

	Năm nay	Năm trước
	-	300.000.000
	-	-
	5.934.444	98.357.673
	129.932.736	344.167.531
	-	-
Cộng	135.867.180	742.525.204

6 . THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Chiết khấu
- Các khoản khác

	Năm nay	Năm trước
	-	-
	-	-
	20.901.870	72.992
Cộng	20.901.870	72.992

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý TSCĐ ,CCDC	-	-
- Các khoản tiền nộp phạt	43.307.402	34.893.000
- Thuế GTGT không được khấu trừ	2.430.364	-
- Các khoản khác	6.884.916	2.577.033
Cộng	52.622.682	37.470.033

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
8.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu	531.963.409	372.780.876
- Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí nhân công	-	40.000.000
- Chi phí khấu hao	-	-
- Thuế, phí, lệ phí	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.490.964.886	1.416.003.493
- Chi phí khác bằng tiền	762.404.186	1.298.480.880
Cộng	2.785.332.481	3.127.265.249

8.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nguyên, vật liệu	3.417.443.211	137.368.493
- Chi phí công cụ, dụng cụ	559.035.137	368.960.450
- Chi phí nhân công	3.323.734.879	6.834.333.565
- Chi phí khấu hao	246.732.240	246.732.240
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.759.901.122	2.116.825.569
- Chi phí khác bằng tiền	1.598.450.279	944.642.959
Cộng	13.908.296.868	10.651.863.276

9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.319.161.989	200.064.603.819
- Chi phí công cụ, dụng cụ	885.026.710	516.458.430
- Chi phí nhân công	13.869.541.541	13.786.392.787
- Chi phí khấu hao TSCĐ	9.317.548.555	10.046.617.252
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.366.349.740	6.414.318.074
- Chi phí bằng tiền khác	3.713.916.454	4.374.207.914
Cộng	205.474.544.989	235.205.598.276

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	292.662.188
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	16.902.000	-
Cộng	16.902.000	292.662.188

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(16.441.832.690)	(3.988.109.276)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(16.441.832.690)	(3.988.109.276)
Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.885.590	9.885.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.663)	(403)

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(16.441.832.690)	(3.988.109.276)
Quý khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.885.590	9.885.590
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(1.663)	(403)

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
- Các giao dịch phi tiền tệ khác	-	-

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng
Không có.

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Năm nay
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	Năm nay
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.400.000.000
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	-
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả	-
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán	-
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-



VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
+ Chi phí tiền lương	1.829.424.339	1.866.400.000
+ Thù lao	291.000.000	300.000.000

Trong đó:

Năm 2021:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
1	Phạm Lê Phương	Chủ tịch HĐQT	227.200.000	52.000.000
2	Trần Đức Đạm Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	227.200.000	24.000.000
3	Nguyễn Tấn Quốc	Thành viên HĐQT	328.200.000	44.000.000
4	Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
5	Nguyễn Thế Truyền	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
6	Nguyễn Anh Phương	Thành viên HĐQT	-	12.000.000
7	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	-	12.000.000
8	Huỳnh Lam Phương	Thành viên HĐQT	-	12.000.000
9	Tạ Nguyên Vũ	Trưởng BKS	-	32.000.000
10	Trương Thị Thu Hà	Thành viên BKS	111.600.000	32.000.000
11	Huỳnh Thị Ngọc Hương	Thành viên BKS	38.200.000	16.000.000
12	Võ Thị Hoi	Thành viên BKS	36.000.000	8.000.000
13	Huỳnh Thanh Điền	Thành viên BKS	-	8.000.000
14	Vũ Xuân Ngọc	Phó Tổng Giám Đốc	171.200.000	-
15	Trần Thị Huyền	Kế toán trưởng	223.200.000	-
16	Phạm Lê Phương	Giám đốc NPK Phú Yên	308.800.000	-
17	Nguyễn Thị Bích Ninh	Phó Giám đốc NPK Phú Yên	194.800.000	-
TỔNG CỘNG			1.866.400.000	300.000.000

Năm 2022:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thù lao
1	Phạm Lê Phương	Chủ tịch HĐQT	327.500.000	60.000.000
2	Trần Đức Đạm Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	328.000.000	36.000.000
3	Nguyễn Tấn Quốc	Thành viên HĐQT	66.500.000	27.000.000
4	Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
5	Nguyễn Thế Truyền	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
6	Tạ Nguyên Vũ	Trưởng BKS	-	48.000.000
7	Trương Thị Thu Hà	Thành viên BKS	118.200.000	24.000.000
8	Huỳnh Thị Ngọc Hương	Thành viên BKS	75.000.000	24.000.000
9	Vũ Xuân Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	149.259.259	-
10	Trần Thị Huyền	Kế toán trưởng	224.000.000	-
11	Phạm Lê Phương	Giám đốc NPK Phú Yên	329.046.050	-
12	Nguyễn Thị Bích Ninh	Phó Giám đốc NPK Phú Yên	211.919.030	-
TỔNG CỘNG			1.829.424.339	291.000.000

Các giao dịch khác		Năm nay	Năm trước
- Ông Phạm Lê Phương	Chủ tịch HĐQT		
+ Công ty chi tạm ứng		40.000.000	-
+ Công ty thu tạm ứng		40.000.000	-
+ Công ty NPK Phú Yên mượn tiền		330.000.000	-
- Ông Trần Đức Đạm Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		
+ Công ty chi tạm ứng		56.000.000	-
+ Công ty thu tạm ứng		56.000.000	-
- Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương	Thành viên BKS		
+ Công ty chi tạm ứng		3.671.596.292	-
+ Công ty thu tạm ứng		3.690.796.292	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả	349.200.000	-
- Ông Phạm Lê Phương	330.000.000	-
- Bà Huỳnh Thị Ngọc Hương	19.200.000	-

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Công ty con	100,00%
Công ty CP Phân bón Anh Việt	Công ty con	56,35%
Công ty CP Du lịch và Khách sạn Kiến Tường	Công ty liên kết	39,00%
Công ty Luật Hợp danh Thiên Thanh	Liên quan TV. HĐQT	

Trong năm Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Bán hàng	4.789.260.700
	Thu tiền bán hàng	3.250.695.002
	Mua hàng	16.070.695.002
	Thanh toán tiền mua hàng	17.006.350.000
Công ty Luật Hợp danh Thiên Thanh	Tư vấn pháp luật	350.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Nợ phải thu	24.420.291.142
Công ty TNHH Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên	Nợ phải trả	1.459.255.000
Công ty CP Phân bón Anh Việt	Nợ phải thu	1.845.841.464

2 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm phân bón vô cơ, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Ban Tổng Giám đốc cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . Thông tin về hoạt động liên tục

a/ Về tài chính:

- Tại ngày 31/12/2022 số lỗ lũy kế của Công ty là 154.528.441.429 VND đã làm cho vốn chủ sở hữu âm 21.085.120.481 VND. Như vậy, Nợ phải trả lớn hơn Tổng tài sản.
- Về Nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn Tài sản ngắn hạn là 78.589.013.765 VND. Như vậy, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty không được đảm bảo.
- Khả năng thanh toán các khoản nợ: Công ty gặp khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ theo các Hợp đồng vay. Công ty không có phụ thuộc quá nhiều các khoản vay ngắn hạn tài trợ cho các tài sản dài hạn.
- Các chủ nợ có dấu hiệu ngừng hoặc thu hồi các hỗ trợ tài chính.
- Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh âm
- Không có sự suy giảm lớn về giá trị của các tài sản.
- Không có nợ phải trả tồn đọng hoặc phải ngừng thanh toán cổ tức cho cổ đông đã được ĐHCĐ thông qua trước đó.
- Các dấu hiệu về tuân thủ hợp đồng tín dụng: Công ty không trả được nợ đúng hạn. Chuyển đổi giao dịch từ mua chịu sang thanh toán ngay; khả năng tìm kiếm các nguồn tài trợ: Khó khăn.

b/ Về hoạt động:

- Ban Giám đốc có ý định ngừng hoạt động hay giải thể Công ty: Không có. Tuy nhiên, công ty con - Công ty CP Phân bón Anh Việt đã ngừng hoạt động trong thời gian khá dài.
- Thiếu thành phần lãnh đạo chủ chốt mà không được thay thế: Không có.
- Mất thị trường lớn, khách hàng quan trọng, mất quyền kinh doanh, nhượng quyền thương mại hoặc mất nhà cung cấp quan trọng: Không có. Tuy nhiên có sự sụt giảm về doanh thu bán hàng và khách hàng.
- Gặp khó khăn về lao động: Không có.
- Thiếu hụt vật tư đầu vào chủ yếu: Không có.
- Xuất hiện đối thủ cạnh tranh mới thành công hơn: Không có.

c/ Các dấu hiệu khác:

- Không tuân thủ các quy định về góp vốn cũng như những quy định khác: Không có.
- Đơn vị đang bị kiện nếu thua đơn vị không có khả năng đáp ứng: Không có.
- Thay đổi về pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi tới đơn vị: Không có.
- Xảy ra các rủi ro, tổn thất mà không được bảo hiểm hoặc BH với giá trị thấp: Không có.
- Theo Quyết định số 6162/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của UBND TP. Hồ Chí Minh Về thu hồi khu đất tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, là địa điểm đang hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Theo quyết định này yêu cầu Công ty có trách nhiệm bàn giao khu đất cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý theo quy định. Giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất đề xuất xử lý phần giá trị còn lại của giá trị đã đầu tư vào đất hoặc tài sản gắn liền với đất (nếu có) theo quy định.

Như vậy, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Báo cáo tài chính của Công ty vẫn được trình bày dựa trên giả định hoạt động liên tục.

4 . Thông tin liên quan đến Công ty con "Công ty CP Phân bón Anh Việt"

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty con "Công ty CP Phân bón Anh Việt" chưa được kiểm toán. Trong đó, giá trị tổng tài sản của Công ty con này chiếm tỷ trọng là 1,8% so với tổng tài sản của toàn Công ty. Công ty con đã ngừng hoạt động từ ngày 15/11/2015.

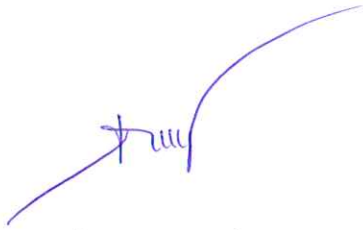
Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng những ảnh hưởng (nếu có) của Công ty con này là không trọng yếu đến tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất của toàn Công ty.



5 . Số liệu so sánh

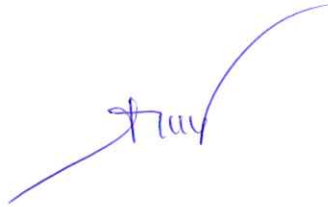
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập biểu



TRẦN THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ HUYỀN

Lập, ngày 05 tháng 02 năm 2023

Chủ tịch HĐQT



PHẠM LÊ PHƯƠNG



DỰ THẢO

BIÊN BẢN

HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

- Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh
- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. HCM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0303951558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005 và thay đổi lần thứ 7 ngày 28/03/2023.

Hôm nay, vào lúc ... giờ ... phút ngày 27 tháng 04 năm 2023, tại Hội trường Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh, Ấp 5 Xã Phạm Văn Cội, Củ Chi, TP. HCM, cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được tiến hành với nội dung chi tiết như sau:

1. KHAI MẠC CUỘC HỌP

Ông Nguyễn Văn Tàu điều hành cuộc họp.

1.1. Phần nghi thức khai mạc gồm có: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu

Thành phần tham dự bao gồm:

- Ông Phạm Lê Phương – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh;
- Các cổ đông và đại diện cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh.

1.2. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2023 Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá Sinh

Ông Đặng Thanh Tuấn - Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm ... giờ phút là cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy, Đại hội cổ đông thường niên 2023 đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của pháp luật.

1.3. Thông qua Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội:

Ông Nguyễn Văn Tàu trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội (tài liệu đính kèm).

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

1.4. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Đoàn chủ tịch

Đại hội đã thông qua số lượng và danh sách Đoàn chủ tịch với số phiếu chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

Đoàn chủ tịch (gồm 03 người):

- Ông Phạm Lê Phương – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Chủ tọa
- Ông Trần Đức Đạm Khánh – Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng giám đốc – Thành viên
- Ông Tạ Nguyên Vũ – Trưởng Ban kiểm soát - Thành viên

1.5. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu

Ông Nguyễn Văn Tàu điều khiển Đại hội thông qua số lượng và danh sách Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu với số phiếu chấp thuận là 100%, cụ thể như sau:

▪ Thư ký đoàn (gồm 2 người):

1. Bà Trần Thị Huyền – Trưởng ban
2. Bà Bùi Tiến Thành – Thành viên

▪ Ban Kiểm phiếu (gồm 3 người):

1. Ông Đặng Thanh Tuấn - Trưởng ban
2. Bà Võ Thị Hợi – Thành viên

2. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

2.1. Thông qua Chương trình Đại hội

Ông Nguyễn Văn Tàu trình bày và điều khiển Đại hội thông qua Chương trình Đại hội (tài liệu đính kèm).

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua Chương trình Đại hội.

2.2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Ông Phạm Lê Phương – Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (tài liệu đính kèm).

2.3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023

Ông Tạ Nguyên Vũ – Trưởng Ban kiểm soát thay mặt Ban kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (Báo cáo đính kèm).

2.4. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Ông Trần Đức Đạm Khánh – Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 (tài liệu đính kèm):

2.5. Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2022

Ông Phùng Ngọc Toàn – Đại diện Công ty TNHH DV TV Tài chính kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) trình bày (tài liệu đính kèm).

2.6. Tờ trình về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023 – 2026

Ông Trần Đức Đạm Khánh – Tổng Giám đốc trình bày tờ trình về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023 – 2026, cụ thể:

Năm 2023: Sản lượng: 17.000 tấn; Doanh thu: 180 tỷ; Lợi nhuận: 0 đồng.

Năm 2024: Sản lượng: 18.000 tấn; Doanh thu: 185 tỷ; Lợi nhuận: 1 tỷ đồng.

Năm 2025: Sản lượng: 19.000 tấn; Doanh thu: 190 tỷ; Lợi nhuận: 2 tỷ đồng.

2.7. Tờ trình về việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Tấn Quốc – Thành viên HĐQT.

Ông Trần Đức Đạm Khánh – Tổng Giám đốc trình bày tờ trình về việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Tấn Quốc – Thành viên HĐQT (Đính kèm tờ trình), cụ thể:

Tại Đại hội cổ đông thường niên 2021 ngày 27/04/2021, các cổ đông Công ty đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên. Ngày 06/10/2022, vì lý do cá nhân, 01 thành viên Hội đồng quản trị đã có đơn xin từ nhiệm là ông Nguyễn Tấn Quốc, Hội đồng quản trị Công ty đã có thông báo về việc xin từ nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị nêu trên.

Sau khi thảo luận và xem xét đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Tấn Quốc, đồng thời căn cứ vào quy định tại Điều 26 của Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận việc từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Tấn Quốc.

2.8. Tờ trình về chế độ thù lao của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS)

Ông Phạm Lê Phương – Chủ tịch HĐQT trình bày tờ trình về chế độ thù lao của HĐQT và BKS (Đính kèm tờ trình), cụ thể:

▪ Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2022:

Căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022, mức thù lao của HĐQT và BKS đã chi trong năm 2022 chi tiết như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 1 người = 60.000.000 đồng
 - Thành viên HĐQT: 3.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 3 người = 108.000.000 đồng
 - Thành viên HĐQT: 3.000.000 đ/người/tháng x 9tháng x 1 người = 27.000.000 đồng
 - Trưởng BKS: 4.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 1 người = 48.000.000 đồng
 - Kiểm soát viên: 2.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 2 người = 48.000.000 đồng
- Tổng cộng: 291.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu đồng)**

▪ Tổng mức thù lao và khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2023:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức chi phí thù lao năm 2023 đối với HĐQT, BKS. Cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Kiểm soát viên: 2.000.000 đồng/người/tháng

Trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận, thành viên HĐQT và BKS được khen thưởng về những thành tích và đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty. Mức khen thưởng là **10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch**, mức chi tiết cho từng thành viên sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.

2.9. Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023

Ông Tạ Nguyên Vũ – Trưởng Ban kiểm soát trình bày tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023 (Đính kèm tờ trình), cụ thể:

Căn cứ theo điểm d, khoản 2, Điều 15 Điều lệ của Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua về việc “Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 để kiểm toán cho Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh năm tài chính 2023”.

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty để lựa chọn.

2.10. Thảo luận

.....

.....

2.11. Cập nhật Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2023 Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá sinh (lần 2)

Ông Đặng Thanh Tuấn – Trưởng ban Thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự (lần 2) với tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền tham dự tính tới thời điểm ... giờ ... phút là ... cổ đông, tổng số cổ phần của cổ đông tham dự là cổ phần, chiếm ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2.12. Tiến hành Biểu quyết các Tờ trình

2.13. Ông Đặng Thanh Tuấn – Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết như sau:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	cổ phần	%
- Đồng ý	cổ phần	%
- Không đồng ý	cổ phần	%
- Không có ý kiến	cổ phần	%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	cổ phần	%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	cổ phần	%

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
Tổng cộng	cổ phần	100%

- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023:

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	cổ phần	%
- Đồng ý	cổ phần	%
- Không đồng ý	cổ phần	%
- Không có ý kiến	cổ phần	%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	cổ phần	%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	cổ phần	%
Tổng cộng	cổ phần	100%

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	cổ phần	%
- Đồng ý	cổ phần	%
- Không đồng ý	cổ phần	%
- Không có ý kiến	cổ phần	%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	cổ phần	%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	cổ phần	%
Tổng cộng	cổ phần	100%

- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022:

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	cổ phần	%

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
- Đồng ý	cổ phần	%
- Không đồng ý	cổ phần	%
- Không có ý kiến	cổ phần	%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	cổ phần	%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	cổ phần	%
Tổng cộng	cổ phần	100%

– Tờ trình điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2023-2026

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	cổ phần	%
- Đồng ý	cổ phần	%
- Không đồng ý	cổ phần	%
- Không có ý kiến	cổ phần	%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	cổ phần	%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	cổ phần	%
Tổng cộng	cổ phần	100%

– Tờ trình miễn nhiệm Ông Nguyễn Tấn Quốc – TV HĐQT

Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	cổ phần	%
- Đồng ý	cổ phần	%
- Không đồng ý	cổ phần	%
- Không có ý kiến	cổ phần	%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	cổ phần	%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	cổ phần	%
Tổng cộng	cổ phần	100%

– Thông qua Tờ trình về chế độ thù lao của HĐQT và BKS.

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	cổ phần	%
- Đồng ý	cổ phần	%
- Không đồng ý	cổ phần	%
- Không có ý kiến	cổ phần	%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	cổ phần	%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	cổ phần	%
Tổng cộng	cổ phần	100%

- Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2023.

- Kết quả biểu quyết cụ thể như sau:

Ý kiến biểu quyết	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ trên Tổng SLCP tham dự ĐH
a. Thẻ biểu quyết thu về hợp lệ	cổ phần	%
- Đồng ý	cổ phần	%
- Không đồng ý	cổ phần	%
- Không có ý kiến	cổ phần	%
b. Thẻ biểu quyết thu về không hợp lệ	cổ phần	%
c. Thẻ biểu quyết không thu về	cổ phần	%
Tổng cộng	cổ phần	100%

3. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Bà Trần Thị Huyền – Thay mặt Ban thư ký trình bày Biên bản Đại hội và điều khiển Đại hội thông qua Biên bản Đại hội.

Ông Phạm Lê Phương trình bày Nghị quyết Đại hội và điều khiển Đại hội thông qua Nghị quyết Đại hội.

Với 100% số phiếu chấp thuận, toàn thể Đại hội đã thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc lúc ... giờ ... phút cùng ngày.

TM. Thư ký đoàn

TM. Chủ tọa đoàn

TRẦN THỊ HUYỀN

PHẠM LÊ PHƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh;
- Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1.** Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 (Đính kèm tài liệu).
- Điều 2.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 (Đính kèm tài liệu).
- Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2022 (Đính kèm tài liệu).
- Điều 4.** Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 (Đính kèm tài liệu).
- Điều 5.** Thông qua tờ trình điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2023-2026. Cụ thể:
- Năm 2023: Sản lượng: 17.000 tấn; Doanh thu: 180 tỷ; Lợi nhuận: 0 đồng.
 - Năm 2024: Sản lượng: 18.000 tấn; Doanh thu: 185 tỷ; Lợi nhuận: 1 tỷ đồng.
 - Năm 2025: Sản lượng: 19.000 tấn; Doanh thu: 190 tỷ; Lợi nhuận: 2 tỷ đồng.
- Điều 6.** Thông qua tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Tấn Quốc.
- Điều 7.** Thông qua tờ trình về thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- ❖ Mức thù lao của HĐQT và BKS đã chi trong năm 2022 chi tiết như sau:
 - Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 1người = 60.000.000 đồng
 - Thành viên HĐQT: 3.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 3người = 108.000.000 đồng
 - Thành viên HĐQT: 3.000.000 đ/người/tháng x 9tháng x 1người = 27.000.000 đồng
 - Trưởng BKS: 4.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 1người = 48.000.000 đồng
 - Kiểm soát viên: 2.000.000 đ/người/tháng x 12tháng x 2người = 48.000.000 đồng

Tổng cộng: 291.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi một triệu đồng)

❖ **Mức chi phí thù lao năm 2023 đối với HĐQT, BKS.**

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Kiểm soát viên: 2.000.000 đồng/người/tháng

Trường hợp Công ty thực hiện vượt kế hoạch lợi nhuận, thành viên HĐQT và BKS được khen thưởng về những thành tích và đóng góp của mình cho sự phát triển của Công ty. Mức khen thưởng là 10% lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch, mức chi tiết cho từng thành viên sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.

Điều 8. Thông qua tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán cho Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh năm tài chính 2023, cụ thể:

Căn cứ theo điểm d, khoản 2, Điều 15 Điều lệ của Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua về việc “Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 để kiểm toán cho Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa sinh năm tài chính 2023”.

Hội đồng quản trị sẽ căn cứ vào các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty để lựa chọn.

Điều 9. Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh tổ chức triển khai các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết này và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Nghị quyết này.

Điều 10. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh biểu quyết thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu hồ sơ Đại hội.

PHẠM LÊ PHƯƠNG

Tên cổ đông :

Mã cổ đông :



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN
HOÁ SINH**

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Số cổ phần biểu quyết:

..... **CỔ PHẦN**

Sở hữu: cổ phần

Ủy quyền: cổ phần

Quý cổ đông sử dụng Phiếu này để biểu quyết các vấn đề chung và phát sinh mới tại Đại hội

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HOÁ SINH

THẺ BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

Mã số tham dự:

Số lượng cổ phần: cổ phần

Sau khi nghiên cứu nội dung các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội Đồng Cổ Đông Thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá Sinh, Tôi/Chúng tôi có ý kiến biểu quyết từng vấn đề như sau:

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Thông qua tờ trình điều chỉnh Kế hoạch kinh doanh năm 2023-2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Thông qua tờ trình từ nhiệm của ông Nguyễn Tấn Quốc – TV HĐQT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Thông qua tờ trình chế độ thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8	Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty Kiểm toán cho năm tài chính 2023	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách lựa chọn một trong ba ý kiến: Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến cho từng nội dung biểu quyết.



Ngày 27 tháng 04 năm 2023

CỔ ĐÔNG / ĐẠI DIỆN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)